

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 43

2022

ÔNG
NHIỆM
DÁN VÀ
ỆT N

4Y -

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thu Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Năm	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó Tổng giám đốc kinh tế
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự
Ông Trần Quang Quyền	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2020)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Đinh Thị Minh Hằng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-CNG ngày 02/01/2020)

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2020

Số: 436-20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Cotana**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461.969.386.909	519.910.099.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.025.708.883	40.728.524.596
1. Tiền	111	V.1.	5.025.708.883	40.728.524.596
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3.	25.000.016.200	25.000.016.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60.428	60.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44.228)	(44.228)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		388.155.718.251	421.581.911.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	324.572.353.272	369.316.758.090
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.989.578.022	4.356.482.625
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	63.385.733.684	55.700.617.744
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.791.946.727)	(7.791.946.727)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	40.176.903.801	32.438.095.830
1. Hàng tồn kho	141		40.176.903.801	32.438.095.830
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.611.039.774	161.551.382
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		907.813.960	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	2.703.225.814	161.551.382
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179.663.383.303	155.632.948.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.390.990.438	1.390.990.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.390.990.438	1.390.990.438
II. Tài sản cố định	220		41.761.085.919	43.414.689.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	38.607.585.920	40.261.189.578
- Nguyên giá	222		67.966.299.349	67.966.299.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.358.713.429)	(27.705.109.771)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	3.153.499.999	3.153.499.999
- Nguyên giá	228		3.211.243.989	3.211.243.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.743.990)	(57.743.990)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	135.232.812.407	108.589.455.529
1. Đầu tư vào công ty con	251		123.220.877.444	95.726.493.495
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.163.778.500	13.163.778.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.639.830.148	9.639.830.148
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.631.673.685)	(10.780.646.614)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.278.494.539	2.237.813.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	1.278.494.539	2.237.813.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		641.632.770.212	675.543.048.567

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		387.518.183.685	413.976.270.658
I. Nợ ngắn hạn	310		343.378.009.870	369.070.582.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	149.187.327.895	196.175.444.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	56.257.245	80.638.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	270.502.880	4.902.853.379
4. Phải trả người lao động	314		2.124.081.299	10.691.086.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	23.244.504.724	15.690.380.248
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	824.675.430	106.856.877
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	77.305.209.964	52.795.315.751
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	83.775.697.873	85.764.252.848
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.589.752.560	2.863.753.609
II. Nợ dài hạn	330		44.140.173.815	44.905.687.701
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16.	20.588.830.627	21.251.478.088
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	10.241.278.797	10.241.278.797
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	13.310.064.391	13.412.930.816
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.114.586.527	261.566.777.909
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	254.114.586.527	261.566.777.909
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		205.000.000.000	205.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		205.000.000.000	205.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		511.034.891	511.034.891
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.718.980.058	6.882.569.627
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.884.571.578	49.173.173.391
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		41.500.352.529	10.809.069.080
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.615.780.951)	38.364.104.311
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		641.632.770.212	675.543.048.567

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Oanh

Trần Trọng Đại

Đình Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	67.425.929.729	170.822.665.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		67.425.929.729	170.822.665.489
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	62.088.320.182	157.041.377.576
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.337.609.547	13.781.287.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.388.929.959	31.547.182.738
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	4.448.844.378	3.409.849.449
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.597.817.307	3.211.193.324
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	6.893.476.079	7.978.197.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(3.615.780.951)	33.940.423.387
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	-	87.990
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		-	87.990
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.615.780.951)	33.940.511.377
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	933.892.503
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3.615.780.951)	33.006.618.874

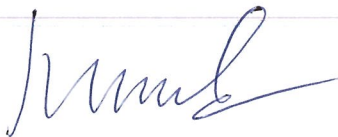
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

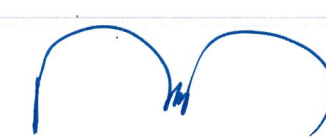
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Oanh



Trần Trọng Đại



Đình Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.615.780.951)	33.940.511.377
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.653.603.658	1.592.204.679
- Các khoản dự phòng	03		851.027.071	140.657.278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.388.929.959)	(31.490.426.891)
- Chi phí lãi vay	06		3.597.817.307	3.211.193.324
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.737.126	7.394.139.767
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32.347.610.342	(254.746.145)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.738.807.971)	(7.702.538.551)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.878.935.716)	(46.715.652.638)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		959.318.744	660.529.223
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.608.243.608)	(3.085.466.635)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.203.302.507)	(7.037.114.184)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(110.411.480)	(2.222.355.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.135.035.070)	(58.963.205.097)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(30.000.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.494.383.949)	(54.373.527.994)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	43.244.153
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.024.706	29.551.017.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.476.359.243)	(24.809.266.330)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		54.117.253.976	132.616.288.072
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(56.208.675.376)	(107.097.521.536)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(20.462.587.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.091.421.400)	5.056.179.436

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(35.702.815.713)	(78.716.291.991)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.728.524.596	96.637.336.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.1.	5.025.708.883	17.921.044.404

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Oanh

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-CNG)

228-C
G TY
M HỮU I
VÀ ĐINH
NAM
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 19 ngày 01/02/2019 về tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành thì vốn điều lệ của Công ty là **205.000.000.000 đồng** (Hai trăm linh năm tỷ đồng), tổng số cổ phần lưu hành là 20.500.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CSC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Công ty tại: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nhân viên Công ty phải nghỉ việc, ảnh hưởng đến năng suất lao động toàn Công ty, nhiều công trình xây dựng do Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

nhận thầu bị chậm trễ tiến độ không bàn giao kịp được trong 6 tháng đầu năm 2020. Theo đó, doanh thu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty bị sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch thúc đẩy nhanh tập trung nhân lực để sớm hoàn thành các công trình xây lắp đã bị chậm trễ, tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm dở dang trong 6 tháng cuối năm 2020.

6. Cấu trúc doanh nghiệp*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%	51%
2.	Công ty CP Xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%	51%
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%	51%
4.	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	52,53%	52,53%	52,53%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản COTANA CAPITAL (*)	Tầng 6 - Tòa nhà HCC - Số 28 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	76,38%	88,93%	82,83%

(*) Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 82,83%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 76,38%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 1,74%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,82%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 1,51% và tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 0,38%.

(*) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 88,93%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 76,38%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 3,32%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 5,54%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 2,95% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 0,74%.

Danh sách các công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	25,88%	25,88%	25,88%
2.	Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	25%	25%	25%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

3.	Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	46,0%	46,0%	46,0%
4.	Công ty TNHH BMS Thành Nam	Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	25%	25%	25%
5.	Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	20,68%	20,68%	20,68%

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

- Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana, địa chỉ tại số 2-4-6 đường số 7, khu dân cư Conic, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của văn phòng Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Công ty. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.5) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ và lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

0120
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 – 49
- Máy móc thiết bị	06 – 10
- Phương tiện vận tải	06 – 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
- Tài sản cố định khác	03

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng không được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước khối lượng hoàn thành và chi phí lãi vay phải trả, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây dựng, cho thuê thiết bị, văn phòng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, cổ tức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào Chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận trên giá bán trừ đi giá gốc và các chi phí khác nếu có.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và các chi phí tài chính khác.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**1. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	144.984.987	649.389.619
Tiền gửi ngân hàng	4.880.723.896	40.079.134.977
Cộng	5.025.708.883	40.728.524.596

2. Phải thu của khách hàng

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	55.179.203.111	-	101.346.521.835	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN	38.548.250.375	-	46.548.250.375	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	32.571.306.959	-	49.708.770.339	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	58.368.347.756	-	47.225.191.222	-
Các đối tượng khác	139.905.245.071	(7.791.946.727)	124.488.024.319	(7.791.946.727)
Cộng	324.572.353.272	(7.791.946.727)	369.316.758.090	(7.791.946.727)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***3. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2020			01/01/2020			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Tổng giá trị cổ phiếu	60.428	104.656	(44.228)	60.428	104.656	(44.228)	
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	60.428	104.656	(44.228)	60.428	104.656	(44.228)	
Cộng	60.428	104.656	(44.228)	60.428	104.656	(44.228)	

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020			01/01/2020			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	
b1) Ngắn hạn							
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	
b2) Dài hạn							
Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000	
Cộng	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm được cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B-Đô thị mới An Vân Dương giữa Liên danh Công ty CP Tập đoàn Cotana, Công ty CP Kỹ nghệ và Hạ tầng Telin và Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	123.220.877.444	(8.824.734.664)	95.726.493.495	(7.846.633.983)
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	6.781.860.332	(3.910.641.738)	6.781.860.332	(4.525.399.814)
Công ty CP Xây dựng Cotana (1)	5.100.000.000	(3.480.917.389)	2.605.616.051	(2.605.616.051)
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	4.335.000.000	-	4.335.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (2)	103.500.000.000	(1.433.175.537)	78.500.000.000	(715.618.118)
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	3.504.017.112	-	3.504.017.112	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.163.778.500	(2.244.842.963)	13.163.778.500	(2.315.053.784)
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2.070.000.000	(737.955.874)	2.070.000.000	(737.955.874)
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	5.781.900.000	-	5.781.900.000	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4.311.878.500	(1.506.887.089)	4.311.878.500	(1.577.097.910)
Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green	600.000.000	-	600.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	9.639.830.148	(562.096.058)	9.639.830.148	(618.958.847)
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	-	59.360.200	-
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550.000.000	(46.694.930)	550.000.000	(46.694.930)
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản Hudland (3)	3.147.000.000	-	3.147.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534.017.688	-	534.017.688	-
Công ty CP Hudland Thương mại và Dịch vụ	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Capella Việt Nam	500.000.000	(213.759.791)	500.000.000	(213.759.791)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty CP ECO Văn Phong	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư King's Land	2.549.452.260	(182.840.736)	2.549.452.260	(151.609.419)
Công ty CP Western River	1.800.000.000	(118.800.601)	1.800.000.000	(206.894.707)
Cộng	146.024.486.092	(11.631.673.685)	118.530.102.143	(10.780.646.614)

Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và công ty liên kết trong kỳ

- Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana: Thi công công trình và cho thuê văn phòng.
- Công ty CP Xây dựng Cotana: Giao dịch chủ yếu là thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital: Thi công công trình và góp vốn.
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana: Giao dịch chủ yếu là thi công công trình.
- Công ty TNHH Kính Thành Nam: Không phát sinh giao dịch.
- Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty TNHH BMS Thành Nam: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.

Thông tin bổ sung khác

- (1) Trong kỳ, Công ty góp thêm số vốn góp vào Công ty CP Xây dựng Cotana là 2.494.383.949 đồng theo cam kết góp vốn, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 60,18% thành 51%.
- (2) Trong kỳ, Công ty góp thêm số vốn góp vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 25.000.000.000 đồng theo cam kết góp vốn, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi góp thêm vốn từ 74,1% lên thành 76,38%.
- (3) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland gồm 60.000.000 VND là của Công ty CP Tập đoàn Cotana và 3.087.000.000 VND là của Ông Đào Ngọc Thanh theo Ủy quyền ngày 10/10/2014 của Ông Đào Ngọc Thanh cho Công ty CP Tập đoàn Cotana đứng tên.

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư và Vận chuyển Hà Trang	3.674.257.321	3.674.257.321
Công ty CP Xây dựng Cotana	3.394.045.200	-
Các đối tượng khác	921.275.501	682.225.304
Cộng	7.989.578.022	4.356.482.625

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	63.385.733.684	-	55.700.617.744	-
Phải thu khác	49.227.979.602	-	46.926.979.107	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB (*)	18.929.875.000	-	18.929.875.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB (*)	12.858.125.000	-	12.858.125.000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê (**)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.773.318.042	-	6.773.318.042	-
Các đối tượng khác	5.666.661.560	-	3.365.661.065	-
Tạm ứng	13.407.754.082	-	8.001.089.271	-
Nguyễn Công Hiền	6.748.800.000	-	6.748.800.000	-
Xí nghiệp 10	3.673.466.081	-	-	-
Các đối tượng khác	2.985.488.001	-	1.252.289.271	-
Dư nợ TK 3383	-	-	22.549.366	-
Dư nợ TK 3388	750.000.000	-	750.000.000	-
Nguyễn Việt Anh	500.000.000	-	500.000.000	-
Đào Tuyết Trinh	250.000.000	-	250.000.000	-
b) Dài hạn	1.390.990.438	-	1.390.990.438	-
Phải thu khác	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Ký cược, ký quỹ	204.000.000	-	204.000.000	-
Cộng	63.385.733.684	-	55.700.617.744	-

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển BB và Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển DB về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Comaland đầu tư và phát triển bất động sản mà Công ty CP Tập đoàn Cotana đã được các cá nhân ủy thác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp đầu tư tại Công ty CP Comaland đầu tư và phát triển bất động sản. Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty chưa thu hồi được khoản chuyển nhượng vốn góp này để trả cho các nhà đầu tư cá nhân đã ủy thác.

(**) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Kiều Lê để thực hiện dự án khu nhà ở Kiều Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/2018/HĐHT/Kieule - Cotana ngày 20/04/2018.

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Cotaland	7.545.660.891	4.951.962.624	7.545.660.891	4.951.962.624
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527.666.305	-	527.666.305	-
Công ty CP Xây dựng số 2	1.703.957.954	-	1.703.957.954	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	1.659.669.000	-	1.659.669.000	-
Công ty TNHH NN MTV - Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	286.082.004	-	286.082.004	-
Cục thuế tỉnh Yên Bái	594.398.791	-	594.398.791	-
Các đối tượng khác	431.793.406	5.319.000	431.793.406	5.319.000
Cộng	12.749.228.351	4.957.281.624	12.749.228.351	4.957.281.624

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	40.176.903.801	-	32.438.095.830	-
Cộng	40.176.903.801	-	32.438.095.830	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hạng mục thi công tuyến đường trung tâm TT1 và TT2 Ecogarden Huế; hạng mục thi công phần thô, hoàn thiện và cơ điện nhà CLB 1C; thi công xây dựng công trình dãy nhà phố mặt đường 60m khu Camellia Ecogarden Huế; ... và các công trình do Công ty làm nhà thầu xây dựng.

8. Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.278.494.539	2.237.813.283
Cộng	1.278.494.539	2.237.813.283

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2020	3.153.499.999	57.743.990	3.211.243.989
Số dư ngày 30/06/2020	3.153.499.999	57.743.990	3.211.243.989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	-	57.743.990	57.743.990
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	-	57.743.990	57.743.990
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.153.499.999	-	3.153.499.999
Tại ngày 30/06/2020	3.153.499.999	-	3.153.499.999

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.153.499.999 VND (tại ngày 31/12/2019 là 3.153.499.999 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.743.990 VND (tại ngày 31/12/2019 là 57.743.990 VND)

11. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại vận tải Chính Hưng	6.670.253.017	6.670.253.017	10.374.298.566	10.374.298.566
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	13.828.361.294	13.828.361.294	21.344.209.025	21.344.209.025
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây lắp Việt Nam	18.239.268.166	18.239.268.166	30.505.470.711	30.505.470.711
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan COTANA GREEN	19.703.903.634	19.703.903.634	26.129.865.434	26.129.865.434
Công ty TNHH MTV Xây dựng và vận tải Sơn Hà	17.144.088.526	17.144.088.526	-	-
Các đối tượng khác	73.601.453.258	73.601.453.258	107.821.600.644	107.821.600.644
Cộng	149.187.327.895	149.187.327.895	196.175.444.380	196.175.444.380

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. Người mua trả tiền trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Chế biến gỗ Vượng Phát	-	27.306.363
Công ty TNHH Nippon Plumbing Engineering Việt Nhật	47.037.218	47.037.218
Các đối tượng khác	9.220.027	6.295.285
Cộng	56.257.245	80.638.866

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	3.167.311.655	1.992.554.572	5.159.866.227	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.336.421	-	1.056.336.421	-
Thuế thu nhập cá nhân	679.205.303	122.474.417	531.176.840	270.502.880
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.902.853.379	2.118.028.989	6.750.379.488	270.502.880
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	-	-	2.379.538.862	2.379.538.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	146.966.086	146.966.086
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	161.551.382	-	15.169.484	176.720.866
Cộng	161.551.382	-	2.541.674.432	2.703.225.814

14. Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước khối lượng công trình hoàn thành	17.602.980.676	10.038.429.899
Trích trước chi phí mua nhà Dự án Viglacera	5.570.336.810	5.570.336.810
Trích trước chi phí lãi vay	71.187.238	81.613.539
Cộng	23.244.504.724	15.690.380.248

15. Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	77.305.209.964	52.795.315.751
Kinh phí công đoàn	116.105.764	99.610.008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Dư có TK 141	4.547.335.233	8.283.824.104
<i>Xí nghiệp Xây dựng số 2</i>	3.713.609.663	3.713.609.663
<i>Xí nghiệp 10</i>	-	2.840.966.793
<i>Các đối tượng khác</i>	833.725.570	1.729.247.648
Phải trả khác	72.641.768.967	44.411.881.639
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (1)</i>	25.000.000.000	-
<i>Phạm Mạnh Long (2)</i>	25.804.500.000	25.804.500.000
<i>Lê Thị Vân Anh (2)</i>	5.983.500.000	5.983.500.000
<i>Nguyễn Thế Vinh (4)</i>	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	8.353.768.967	5.123.881.639
b) Dài hạn	10.241.278.797	10.241.278.797
Đào Ngọc Thanh (3)	8.206.616.484	8.206.616.484
Đặng Thu Vịnh	94.721.170	94.721.170
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204.000.000	204.000.000
Khách hàng của Sàn bất động sản Thành Nam	1.235.941.143	1.235.941.143
Nguyễn Nam Cường	500.000.000	500.000.000
Cộng	87.546.488.761	63.036.594.548

(1) Là khoản Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital tạm ứng để làm bảo lãnh thực hiện hợp đồng dự án Ecogaden Huế.

(2) Là khoản phải trả các cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà các cá nhân đã ủy thác cho Công ty CP Tập đoàn Cotana góp vốn và chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản.

(3) Khoản phải trả Ông Đào Ngọc Thanh phản ánh số tiền mà ông Đào Ngọc Thanh đã ủy thác để Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (đã đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana) đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland và các khoản đầu tư vào các dự án của Công ty.

(4) Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital theo Thỏa thuận góp vốn ngày 31/01/2019 giữa ông Nguyễn Thế Vinh và Công ty CP Tập đoàn Cotana.

b) **Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**

16. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	824.675.430	106.856.877
Tiền thuê văn phòng nhận trước	824.675.430	106.856.877
b) Dài hạn	20.588.830.627	21.251.478.088
Tiền thuê văn phòng nhận trước	20.588.830.627	21.251.478.088
Cộng	21.413.506.057	21.358.334.965

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	83.775.697.873	83.775.697.873	54.209.475.275	56.198.030.250	85.764.252.848	85.764.252.848	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>65.581.234.483</i>	<i>65.581.234.483</i>	<i>49.091.775.277</i>	<i>54.185.593.650</i>	<i>70.675.052.856</i>	<i>70.675.052.856</i>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	65.581.234.483	65.581.234.483	49.091.775.277	54.185.593.650	70.675.052.856	70.675.052.856	
<i>Vay ngắn hạn cá nhân (5)</i>	<i>17.255.263.398</i>	<i>17.255.263.398</i>	<i>4.600.000.000</i>	<i>1.494.736.602</i>	<i>14.150.000.000</i>	<i>14.150.000.000</i>	
Đình Thị Minh Hằng	8.000.000.000	8.000.000.000	2.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	
Trần Trọng Đại	9.255.263.398	9.255.263.398	2.600.000.000	1.494.736.602	8.150.000.000	8.150.000.000	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.992</i>	<i>517.699.998</i>	<i>517.699.998</i>	<i>939.199.992</i>	<i>939.199.992</i>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	259.200.000	259.200.000	129.600.000	129.600.000	259.200.000	259.200.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (2)	339.999.996	339.999.996	169.999.998	169.999.998	339.999.996	339.999.996	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (3)	339.999.996	339.999.996	218.100.000	218.100.000	339.999.996	339.999.996	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

b) Vay dài hạn	13.310.064.391	13.310.064.391	425.478.699	528.345.124	13.412.930.816	13.412.930.816
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.331.750.020</i>	<i>2.331.750.020</i>	<i>-</i>	<i>517.699.998</i>	<i>2.849.450.018</i>	<i>2.849.450.018</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	841.400.000	841.400.000	-	129.600.000	971.000.000	971.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (2)	340.000.016	340.000.016	-	169.999.998	510.000.014	510.000.014
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (3)	1.150.350.004	1.150.350.004	-	218.100.000	1.368.450.004	1.368.450.004
<i>Vay dài hạn cá nhân (4)</i>	<i>5.489.352.412</i>	<i>5.489.352.412</i>	<i>212.902.497</i>	<i>10.645.126</i>	<i>5.287.095.041</i>	<i>5.287.095.041</i>
Đặng Thị Lê Anh	750.936.860	750.936.860	29.124.808	1.456.241	723.268.293	723.268.293
Đình Thị Minh Hằng	44.310.662	44.310.662	1.718.573	85.929	42.678.018	42.678.018
Đào Ngọc Thanh	3.854.647.028	3.854.647.028	149.501.054	7.475.052	3.712.621.026	3.712.621.026
Lương Ngọc Huyền	839.457.862	839.457.862	32.558.062	1.627.904	808.527.704	808.527.704
<i>Vay tổ chức dài hạn</i>	<i>5.488.961.959</i>	<i>5.488.961.959</i>	<i>212.576.202</i>	<i>-</i>	<i>5.276.385.757</i>	<i>5.276.385.757</i>
Quý hỗ trợ sinh viên tài năng ngành xây dựng (5)	5.488.961.959	5.488.961.959	212.576.202	-	5.276.385.757	5.276.385.757
Tổng cộng	97.085.762.264	97.085.762.264	54.634.953.974	56.726.375.374	99.177.183.664	99.177.183.664

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***(1) Khoản vay theo các hợp đồng:**

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/1654947/HĐTD ngày 15/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội có hạn mức tín dụng 270.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng). Lãi suất và thời hạn được quy định theo từng lần kế ước. Tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/1654947/HĐTD ngày 01/10/2019. Số tiền vay 1.295.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu đồng), lãi suất vay 8,8%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe Ô tô Mercedes - Benz E200 - 5 chỗ theo Hợp đồng bán hàng số 644/2019/HDBH-HN ngày 19/09/2019. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay và các tài sản khác theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 1110/2017/HĐTD/TTBMB/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội. Khoản vay với số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 7,8%/năm với mục đích mua xe ô tô For Explorer và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 954/2018/HĐTD/LDM/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long. Khoản vay với số tiền 2.181.000.000 đồng lãi suất 8,9%/năm với mục đích mua xe ô tô Kia Sedona; xe ô tô Samco Felix và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(4) Các khoản vay của các cá nhân có kỳ hạn và lãi suất được quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

(5) Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 01FSC/2019/HĐV-CNG ngày 09/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Quỹ hỗ trợ sinh viên tài năng ngành xây dựng. Số tiền vay là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) với lãi suất 8%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 31/12/2024. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

c) Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	205.000.000.000	651.034.891	36.538.914.176	242.189.949.067
Lãi trong năm trước	-	-	38.364.104.311	38.364.104.311
Chia cổ tức	-	-	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(5.229.845.096)	(5.229.845.096)
Giảm khác (*)	-	(140.000.000)	-	(140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	205.000.000.000	511.034.891	49.173.173.391	254.684.208.282
Lỗ trong kỳ này	-	-	(3.615.780.951)	(3.615.780.951)
Phân phối các quỹ	-	-	(7.672.820.862)	(7.672.820.862)
Số dư tại ngày 30/06/2020	205.000.000.000	511.034.891	37.884.571.578	243.395.606.469

(*) Là chi phí tư vấn và chi phí kiểm toán để phát hành cổ phiếu tăng vốn.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Huỳnh Thị Mai Dung	40.410.580.000	40.410.580.000
Trần Văn Năm	14.023.680.000	14.023.680.000
Đào Ngọc Thanh	40.191.360.000	40.191.360.000
Các cổ đông khác	110.374.380.000	110.374.380.000
Cộng	205.000.000.000	205.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	205.000.000.000	205.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	205.000.000.000	205.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2020	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2020
Quỹ đầu tư phát triển	6.882.569.627	3.836.410.431	-	10.718.980.058
Cộng	6.882.569.627	3.836.410.431	-	10.718.980.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	30/06/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	685,32	692,93

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.465.737.935	2.822.511.197
Doanh thu hợp đồng xây dựng	63.960.191.794	168.000.154.292
Cộng	67.425.929.729	170.822.665.489

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2:**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.175.230.940	1.680.709.684
Giá vốn hợp đồng xây dựng	59.913.089.242	155.360.667.892
Cộng	62.088.320.182	157.041.377.576

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	859.006.459	1.810.237.738
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.529.923.500	29.736.945.000
Cộng	2.388.929.959	31.547.182.738

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	3.597.817.307	3.211.193.324

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	851.027.071	140.657.278
Lỗi thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ECO Vân Phong	-	56.755.847
Chi phí tài chính khác	-	1.243.000
Cộng	4.448.844.378	3.409.849.449

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Xử lý công nợ	-	87.990
Cộng	-	87.990

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
--	--	--

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên quản lý	4.523.859.580	5.249.829.413
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	223.055.028	248.412.797
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.128.512.216	953.858.845
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	201.621.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.195.149	235.696.610
Chi phí bằng tiền khác	739.854.106	1.088.778.806
Cộng	6.893.476.079	7.978.197.815

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
--	--	--

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.535.153.226	93.981.225.862
Chi phí nhân công	9.939.721.837	44.758.242.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.653.603.658	1.592.204.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.118.897	24.019.398.399
Chi phí khác bằng tiền	4.262.124.267	1.346.703.687
Cộng	75.000.721.885	165.697.774.921

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
--	--	--

Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.615.780.951)	33.940.511.377

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	1.529.923.500	29.736.945.000
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	990.220.669	465.896.136
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.155.483.782)	4.669.462.513
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	-	933.892.503
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	933.892.503

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty CP Tập đoàn Cotana theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ		
- Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ECO Vân Phong	-	56.755.847
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	54.117.253.976	132.616.288.072
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	56.208.675.376	107.097.521.536

VIII Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana

Mối quan hệ

Chi nhánh Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Cotana	Công ty con
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	Công ty con
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Công ty con
Công ty TNHH Kính Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH BMS Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK (*)	Bên nhận góp vốn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland (**)	Bên nhận góp vốn
Công ty CP Đầu tư King's Land (***)	Bên nhận góp vốn
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự
Ông Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng

(*) Ông Đào Ngọc Thanh đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn ECOPARK đến ngày 30/01/2019.

(**) Bà Đinh Thị Minh Hằng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland.

(***) Ông Đào Ngọc Thanh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư King's Land.

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu	35.695.701.721	28.341.700.591
Công ty CP Xây dựng Cotana	97.870.303	184.060.805
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	74.974.568	79.124.919
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	192.652.807	176.413.302
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	36.561.843	35.212.018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	34.675.596.848	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	78.674.514	64.920.710
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	482.157.453	553.418.233
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	57.213.385	38.014.767
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	-	930.909.091
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK	-	26.279.626.746
Mua hàng	16.176.860.233	15.472.662.050
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	12.633.844.284	11.206.966.402
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	2.808.055.767	580.925.125
Công ty CP Xây dựng Cotana	734.960.182	3.684.770.523

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Vay trong kỳ	4.600.000.000	12.104.248.587
Ông Đào Ngọc Thanh	-	3.402.663.490
Bà Đinh Thị Minh Hằng	2.000.000.000	2.501.585.097
Ông Trần Trọng Đại	2.600.000.000	6.200.000.000
Chi phí lãi vay	151.219.627	71.112.006
Ông Đào Ngọc Thanh	149.501.054	69.526.909
Bà Đinh Thị Minh Hằng	1.718.573	1.585.097
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.529.923.500	29.736.945.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	-	15.768.045.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.529.923.500	13.968.900.000
e) Số dư với các bên liên quan	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	113.487.929.677	119.060.477.332
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	2.648.863.569	2.444.591.046
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	112.375.623	88.703.336
Ông Đào Ngọc Thanh	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	552.931.177	552.931.177
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland	3.553.869.756	3.553.869.756
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	23.198.115	8.555.923
Công ty CP Xây dựng Cotana	229.653.963	140.031.191
Công ty TNHH BMS Thành Nam	7.645.610	9.415.818
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1.804.877.539	1.714.333.779
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	114.859.610	114.083.745
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK	32.571.306.959	49.708.770.339
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	58.368.347.756	47.225.191.222
Đinh Thị Minh Hằng	11.000.000.000	11.000.000.000
Trả trước cho người bán	3.493.567.200	99.522.000
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	99.522.000	99.522.000
Công ty CP Xây dựng Cotana	3.394.045.200	-
Phải thu khác	9.285.663.956	7.518.352.627
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.529.923.500	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	7.300.000	7.300.000
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.773.318.042	6.773.318.042
Đoàn Văn Tuấn	121.100.000	275.100.000
Đinh Thị Minh Hằng	407.777.404	394.248.345
Nguyễn Thị Thu Hương	420.000.000	-
Trần Trọng Đại	26.245.010	68.386.240

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Phải trả người bán	39.534.509.202	57.721.895.133
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	13.828.361.294	21.344.209.025
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	2.151.071.928	2.354.668.539
Công ty CP Xây dựng Cotana	-	4.041.979.789
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	19.703.903.634	26.129.865.434
Công ty TNHH BMS Thành Nam	277.995.803	277.995.803

Doanh thu chưa thực hiện	5.317.338.497	5.362.387.226
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.925.965.387	1.951.643.387
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	937.561.518	949.737.642
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	31.778.640	6.679.515
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotana	1.229.629.341	1.246.024.397
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	762.350.648	772.515.322
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	430.052.963	435.786.963

Phải trả khác	33.206.616.484	8.206.616.484
Công ty CP Đầu tư và phát triển bất động sản Cotana Capital	25.000.000.000	-
Ông Đào Ngọc Thanh	8.206.616.484	8.206.616.484

Các khoản vay	11.898.957.690	9.755.299.044
Bà Đinh Thị Minh Hằng	8.044.310.662	6.042.678.018
Ông Đào Ngọc Thanh	3.854.647.028	3.712.621.026
Ông Trần Trọng Đại	9.255.263.398	6.000.000.000

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	2.303.572.141	2.016.461.539
Lãi tiền vay	151.219.627	71.112.006
Cộng	2.454.791.768	2.087.573.545

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	97.085.762.264	99.177.183.664
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.708.883	40.728.524.596
Nợ thuần	92.060.053.381	58.448.659.068
Vốn chủ sở hữu	254.114.586.527	261.566.777.909
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	36%	22%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.2

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.708.883	40.728.524.596
Phải thu khách hàng và phải thu khác	381.557.130.667	418.616.419.545
Các khoản đầu tư tài chính	34.917.750.290	34.860.887.501
Cộng	421.500.589.840	494.205.831.642
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	97.085.762.264	99.177.183.664
Phải trả người bán và phải trả khác	236.733.816.656	259.212.038.928
Chi phí phải trả	23.244.504.724	15.690.380.248
Cộng	357.064.083.644	374.079.602.840

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện Phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2020	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	226.492.537.859	10.241.278.797	236.733.816.656
Chi phí phải trả	23.244.504.724	-	23.244.504.724
Các khoản vay	83.775.697.873	13.310.064.391	97.085.762.264
01/01/2020	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	248.970.760.131	10.241.278.797	259.212.038.928
Chi phí phải trả	15.690.380.248	-	15.690.380.248
Các khoản vay	85.764.252.848	13.412.930.816	99.177.183.664

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.708.883	-	5.025.708.883
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.016.200	9.917.734.090	34.917.750.290
Phải thu khách hàng và phải thu khác	380.166.140.229	1.390.990.438	381.557.130.667
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.728.524.596	-	40.728.524.596
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.016.200	9.860.871.301	34.860.887.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	417.225.429.107	1.390.990.438	418.616.419.545

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2020
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-CNG)